TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 362/2026/DS-ST.
Ngày: 15/5/2026
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh

2. Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2026 tại tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 840/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2026/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1948

Địa chỉ : 280/95/5 ấp A, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt)

CCCD số: 001048006270, cấp ngày 16/9/2025

Bị đơn: Ông Phạm K, sinh năm 1971

Địa chỉ : E ấp E, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn M trình bày:

Ông và ông Phạm K là người quen. Ông K có mượn tiền của ông 04 lần với tổng số tiền 320.000.000 đồng. Tại giấy hẹn nợ đề ngày 12/12/2020 ông K xác nhận đã mượn tiền của ông là 320.000.000 đồng và cam kết trả nợ cho ông làm 02 lần cụ thể như sau: Lần 1: Trả 100.000.000 đồng vào ngày 30/12/2020. Lần 2: Trả 220.000.000 đồng vào ngày 15/01/2021.

Tuy nhiên từ ngày viết giấy hẹn trả nợ cho đến thời điểm hiện nay, ông K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông theo như thỏa thuận cam kết.

Việc ông K không trả nợ đã gây khó khăn và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải trả cho ông số tiền 320.000.000 đồng, trả một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 phát biểu: Việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký và thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được nên Tòa án nhân dân khu vực 8 quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mượn. Do đó xác định đây là tranh chấp đòi tài sản. Bị đơn cư trú tại xã Đ, căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025) Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Phạm K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn ông M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ

theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu ông K phải trả cho nguyên đơn số tiền 320.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy hẹn trả nợ ngày 12/12/2020 thì ông Phạm K xác nhận đã mượn của ông M số tiền 320.000.000 đồng, hẹn ngày 30/12/2020 trả 100.000.000 đồng và ngày 15/01/2021 trả 220.000.000 đồng. Từ ngày hẹn trả nợ đến nay, ông K không trả cho ông M số tiền nào. Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đến hòa giải nhưng bị đơn không có mặt, không trình bày ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền của mình. Do đó, căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự, ông M yêu cầu ông K trả số tiền 320.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025) của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M: Buộc ông Phạm K trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn M số tiền là 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực tại thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi

hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm K phải chịu 16.000.000 đồng. Nộp tại thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND Thành phố Hồ Chí Minh;*
- *VKSND khu vực 8;*
- *THADS;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phụng